TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2022/DS-PT Ngày 26-4-2022 V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Hà Nam

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

Bà Nguyễn Thị Như

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Lục Văn Phách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2021/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý A - sinh năm 1949; Địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện D, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lý A: Ông Đàm E; sinh năm 1942; Địa chỉ: Xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư F – Văn phòng luật sư F thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà G - sinh năm 1961; Địa chỉ: Tổ 06, phường C2, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà H - sinh năm 1952; Địa chỉ: Tổ 21, phường C3, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt có lý do.

2. Ông I- sinh năm 1955; Địa chỉ: Xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt có lý do.

3. Ông K- sinh năm 1958; Địa chỉ: Tổ 10, phường C4, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Vắng mặt có lý do.

4. Ông L- sinh năm 1963; Địa chỉ: Xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt có lý do.

5. Bà M- sinh năm 1955; Địa chỉ: Tổ 04, phường C5, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

6. Bà N- sinh năm 1959; Địa chỉ: Xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

7. Ông O- sinh năm 1956; Địa chỉ: Xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông P

Địa chỉ: Xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

2. Ông Q

Địa chỉ: Xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

3. Ông R

Địa chỉ: Tổ 8, phường C3, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

4. Bà S

Địa chỉ: Phố C6, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

5. Ông T

Địa chỉ: Xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

6. Bà U

Địa chỉ: Tổ 6, phường C3, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

7. Bà V

Địa chỉ: Xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

8. Bà X

Địa chỉ: Xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

9. Bà Y

Địa chỉ: Tổ 04, phường C5, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

10. Ông Z

Địa chỉ: Xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

11. Ông Â

Địa chỉ: Xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

12. Bà Ă

Địa chỉ: Xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

13. Ông Ô

Địa chỉ: Xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

14. Ông Ơ

Địa chỉ: Xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

15. Bà Z1

Địa chỉ: Xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

16. Bà Z2

Địa chỉ: Xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

17. Ông Z3

Địa chỉ: Xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

18. Bà Z4

Địa chỉ: Số nhà 202B 16, phường B2, quận C7, thành phố Hà Nội;

(Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn Lý A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lý A; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đàm E; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn luật sư F thống nhất trình bày:

Bà Lý A yêu cầu bà G trả lại cho bà A1 và những người thuộc hàng thừa kế thứ ba của bà A2 2.486m^2 đất LUA đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 998033 ngày 04/6/2010 mang tên G và 540m^2 đất (Trong đó có 400m^2 đất ở và 140m^2 đất trồng cây hằng năm) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 998034 ngày 04/6/2010 mang tên G (Hai giấy chứng

nhận này đã bị thu hồi theo Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng).

Về nguồn gốc đất tranh chấp là của dòng họ Đàm để lại cho ông A3 và vợ là bà A2. Ông A3 chết năm 1979, bà A2 chết năm 2009. Ông A3 bà A2 không có con. Theo quy định pháp luật dân sự về thừa kế tài sản thì bà A1 và anh chị em ruột của bà A1 có quyền hưởng di sản thừa kế của bà A2 để lại. Khi bà A2 chết không để lại di chúc. Tuy nhiên lại có 01 di chúc giả với nội dung để lại toàn bộ tài sản cho bà G, sau đó bà G đã kê khai được cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất đang tranh chấp: Thửa đất 128, tờ bản đồ số 6, diện tích 540m^2; Thửa đất 309, tờ bản đồ số 06, diện tích 294m^2; Thửa đất 230, tờ bản đồ số 06, diện tích 960m^2; Thửa đất 255, tờ bản đồ số 06, diện tích 616 m^2 và thửa đất số 256, tờ bản đồ số 06, diện tích 616m^2 cùng địa chỉ tại xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng. Tuy nhiên, di chúc này đã bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tuyên không hợp pháp và 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà G đã bị thu hồi theo Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà G trình bày:

Về nguồn gốc đất là của dòng họ Đàm chia cho ông A3 (chết năm 1979) và vợ là bà A2 (chết năm 2009). Đất đã được cấp Giấy chứng nhận mang tên bà A2. Trước khi bà A2 chết, bà A2 đã có hai văn bản giao lại toàn bộ nhà đất cho bà G quản lý và sử dụng, bao gồm Giấy giao nhà cửa, đất đai, cây cối lập ngày 02/01/1990 và Giấy lập di chúc thừa kế tài sản lập ngày 03/5/2009. Việc giao toàn bộ nhà đất trên cho bà G đã được nhiều người cao tuổi, các anh em trong dòng họ làm chứng và có lập thành văn bản. Do đó, toàn bộ các thửa đất: Thửa đất 128, tờ bản đồ số 6, diện tích 540m^2; Thửa đất 309, tờ bản đồ số 06, diện tích 294m^2; Thửa đất 230, tờ bản đồ số 06, diện tích 960m^2; Thửa đất 255, tờ bản đồ số 06, diện tích 616m^2 và thửa đất số 256, tờ bản đồ số 06, diện tích 616m^2 cùng địa chỉ tại xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng và tài sản trên các thửa đất này đều thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của Bà G.

Bà G không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án công nhận quyền quản lý, sử dụng cho bà G đối với toàn bộ đất và tài sản của bà A2 khi chết để lại.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N và ông O thống nhất trình bày:

Nhất trí với toàn bộ ý kiến của bà G. Do bà G là con nuôi và có công chăm sóc ông A3, bà A2 nên khi còn sống bà A2 đã có giấy giao toàn bộ tài sản cho bà G. Việc mà bà A2 giao toàn bộ tài sản của vợ chồng bà A2 cho bà G thì họ

hàng, làng xóm cũng biết vì khi còn sống bà A2 nói là để lại toàn bộ tài sản cho bà G.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M trình bày: Bà là em gái của ông Đàm E. Về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông A3, bà A2. Ông A3 và bà A2 không có con chung, nhận anh A4 làm con nuôi. Ông A3 chết năm 1979, ông A5 chết năm 1987. Mặc dù đi lấy chồng nhưng bà không sống ở quê chồng mà mua đất làm nhà gần bố mẹ đẻ. Khi còn sống, bà A2 sống một mình, có các cháu nội ngoại ở gần nhưng ai lo việc nhà đấy, còn bà G làm việc ở dưới thành phố chỉ về thăm bố mẹ và bà A2 thứ 7 và chủ nhật, còn bà chăm bà A2 từ thứ 2 đến thứ 7. Khi bà A2 chết anh em trong gia đình cùng nhau bàn bạc lo hậu sự cho bà.

Hiện nay bà đang trồng lúa trên thửa đất số 256, tờ bản đồ số 06, địa chỉ xóm B1, C1, thành phố Cao Bằng. Trường hợp Tòa án giao thửa đất 256 cho ai quản lý, sử dụng thì sau khi bà thu hoạch xong vụ lúa bà sẽ trả lại đất cho người đó.

Tại bản tự khai ngày 08/01/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà Lý A và bà G là của bố mẹ ông A3 để lại cho ông A3, vợ là bà A2. Sau khi ông A3 chết, bà A2 là người quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất mà bố mẹ bên chồng để lại cho. Sau khi bà A2 chết, do các anh em trong gia đình chia nhau không đồng đều nên xảy ra tranh chấp. Nay bà A1 khởi kiện yêu cầu bà G trả lại toàn bộ diện tích 2.486m^2 đất LUA đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 998033 ngày 04/6/2010 mang tên G và 540m^2 đất (Trong đó có 400m^2 đất ở và 140m^2 đất trồng cây hằng năm) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 998034 ngày 04/6/2010 mang tên G. Ông không nhất trí vì ông và các anh chị em của ông không tham gia khởi kiện, đồng thời không ủy quyền cho bất kỳ ai.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25/6/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H trình bày: Bà H và bà Lý A, ông I, ông K, ông L là anh em ruột, là cháu ruột của bà A2 (chết năm 2009) vợ của ông A3 (chết năm 1979). Ông A3 và bà A2 không có con chung.

Về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn, bà không biết vì bà đã đi làm dâu từ năm 1975, không liên quan đến phần đất của bà A2, ông A3. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án không triệu tập.

Tại đơn đề nghị từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án ngày 18/01/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông K trình bày: Vì lý do sức khỏe

không thể đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án nên ông từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Kim Chân: Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Itừ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Tại Biên bản về việc không tống đạt được văn bản tố tụng của Tòa án ngày 13/9/2021 đã ghi nhận ý kiến của ông Inhư sau: Ông không liên quan đến vụ án, ông không có ý kiến, không tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/7/2021 và định giá tài sản ngày 09/9/2021 xác định: Thửa đất 218, tờ bản đồ số 6, diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 540m^2, diện tích thực tế sử dụng là 387,8m^2. Thửa đất 309, tờ bản đồ 06, diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 294m^2, diện tích đo thực tế là 267,0m^2. Thửa đất 230, tờ bản đồ 06, diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 960m^2, diện tích đo thực tế là 976,7m^2. Thửa đất 255, tờ bản đồ 06, diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 616 m^2, diện tích đo thực tế là 631,3m^2. Thửa đất số 256, tờ bản đồ 06, diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 616 m^2, diện tích đo thực tế là 650,2m^2. Các thửa đất trên đều có địa chỉ tại xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Trên thửa đất 128 có các tài sản sau:

- Nhà số 01 do bà G xây dựng có diện tích là 39m^2 có giá trị 121.670.312đ (Một trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi nghìn ba trăm mười hai đồng).

- Nhà số 02 do bà A2 xây dựng có diện tích là 38,3m^2 có giá trị 81.464.330đ (Tám mươi mốt triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi đồng).

- Chuồng trại số 01 giáp với nhà của bà A2 do bà Nxây dựng có diện tích 32,5m^2 có giá trị 50.069.760đ (Năm mươi triệu không trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

- Chuồng trại số 02 và nhà vệ sinh do bà G xây dựng có diện tích 13,6m^2 có giá trị 26.190.336đ (Hai mươi sáu triệu một trăm chín mươi nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng).

- Sân láng vữa xi măng do bà Nxây dựng có diện tích 32,9m^2 có giá trị 3.590.706đ (Ba triệu năm trăm chín mươi nghìn bảy trăm linh sáu đồng).

- Hàng rào xung quanh thửa đất do bà Nxây dựng có chiều dài 25,45m có giá trị 21.370.747đ (Hai mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bốn mươi bảy đồng).

Trên thửa đất 256 có lúa bà Hòa cấy, trên thửa đất 230, 255, 309 có lúa bà N và bà G cấy.

Về lời khai của những người làm chứng:

Tại Biên bản xác minh ngày 23/7/2021 ông Lê Hùng trình bày: Ông A3 có 03 anh em trai gồm ông G6, ông Đàm Thế Quát, ông A3. Ông A3 có vợ là bà A2, không có con chung. Khoảng năm 1959 ông A3 và bà A2 lấy ông A4về nuôi từ bé. Khi ông A5 lớn thì ông A3, bà A2 lấy vợ cho ông A5, tên là Lê Thị Liên, người phố C6. Sau này ông A5, bà Liên bỏ nhau, không có con chung và hiện nay đều đã chết. Sau khi ông A5 chết, mỗi lần tôi sang nhà bà A2 chơi, bà A2 đều nói với tôi là: "Con Pẹo là con tôi". Pẹo là tên ở nhà của bà G. Khi bà A2 còn sống, tôi thấy bà G là người chăm sóc bà A2. Sau khi ông A3, bà A2 chết thì bà G là người thờ cúng ông A3, bà A2 từ khi chết đến bây giờ.

Tại Biên bản xác minh ngày 23/7/2021 bà Ă trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp là của họ Đàm chia cho ông A3. Bà Lý A chỉ là cháu bên vợ (cháu bà A2). Ông A3 và bà A2 không có con chung, nhận anh A4là con nuôi (con chú) và có vợ là bà Niên đều đã chết. Ngoài anh A5, ông A3 và bà A2 còn nhận bà Pẹo (là bà G) làm con nuôi từ bé. Khi còn sống bà A2 có nguyện vọng để lại toàn bộ tài sản nhà và đất cho bà G vì bà G đã có công chăm sóc, bón từng miếng cơm cho bà A2 khi còn sống, lo đám tang cho bà A2 khi chết và hương hỏa, tảo mộ bà A2, ông A3, tổ tiên họ Đàm cho đến nay. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ để chấp nhận.

Tại Biên bản xác minh ngày 23/7/2021, bà Z1 trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Q1và bà Q2 chia cho ông A3. Ông A3 có vợ là bà A2. Ông A3, bà A2 không có con chung, đã nhận ông A4làm con nuôi, sau đó ông A5 chết. Khi ông A3, bà A2 còn sống đã nhận bà G làm con nuôi và được hưởng toàn bộ tài sản của ông A3, bà A2 để lại. Bà G là người chăm sóc bà A2 khi còn sống và lo các việc trong gia đình cho ông A3, bà A2. Theo tôi được biết, khi bà A2 còn sống có nguyện vọng để lại tài sản cho bà G vì bà G là người chăm sóc chu đáo cho bà A2 khi còn sống.

Tại Biên bản xác minh ngày 23/7/2021 và tại phiên tòa ông Ơ trình bày: Bố tôi là Nguyễn Đàm Anh là em trai ruột của ông Đàm Thế Tiệp, ông Tiệp có vợ là Q2, Ông Tiệp, bà Ởi có 03 người con là Đàm Thế Tiệp, G6 và Đàm Thế Quát. Về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Đàm Thế Hảo và bà Nguyễn Thị Phượng. Sau này chia cho ông Q1và bà Q2. Khi ông Tiệp, bà Ởi chết toàn bộ

đất đai do 03 người con chia nhau, ông A3 được chia cho toàn bộ các thửa đất mà hiện nay đang tranh chấp. Ông A3 có vợ là bà A2. Ông A3 và bà A2 không có con chung. Năm 1959 ông A3, bà A2 lấy ông A4làm con nuôi từ bé đến khi lớn thì có vợ là bà Lê Thị Liên, người phố C6. Sau này ông A5, bà Liên ly hôn, không có con chung và hiện nay đều đã chết. Sau khi anh A5 chết, ông A3 và bà A2 nhận bà G làm con nuôi từ năm 1975. Bà G là con của ông Quát, bà Dung sống cùng nhà với ông A3, bà A2 từ nhỏ nên bà G và ông A3, bà A2 có quan hệ nuôi dưỡng, chăm sóc lẫn nhau từ trước khi ông A3, bà A2 nhận bà G làm con nuôi. Sau khi nhận bà G làm con nuôi thì giữa bà G và ông A3, bà A2 vẫn tiếp tục tồn tại mối quan hệ nuôi dưỡng, chăm sóc giữa cha mẹ và con cho đến khi ông A3, bà A2 chết, bà G nhận trách nhiệm hương khói cho ông A3, bà A2 đến tận bây giờ. Khi bà A2 còn sống đã nói với họ hàng là toàn bộ tài sản của bà A2 và ông A3 sẽ để lại cho bà G do bà G có công chăm sóc cho bà A2 đến khi chết.

Tại Biên bản xác minh ngày 25/6/2021 bà Z2– trưởng xóm B1 trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông cha để lại cho ông A3 (chết năm 1979), đến năm 2000 thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà A2 (vợ của ông A3). Do bà sinh ra và lớn lên tại xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng và tham gia các cuộc hòa giải tại xóm nên bà biết ông A3, bà A2 không có con chung, nhận anh A5 làm con nuôi nhưng đã chết. Sau khi anh A5 chết bà A2 nhận bà G làm con để trông coi tuổi già. Khi bà A2 còn sống bà G đã chăm sóc, phụ dưỡng và xây nhà cho bà A2 ở, lo mai táng, thờ cúng khi bà A2 qua đời. Theo các cụ trong xóm, bà được biết ai mà trông nom, chăm sóc bà A2 lúc tuổi già thì sẽ được hưởng toàn bộ tài sản của bà A2. Thực tế thì chỉ có bà G và bà N chăm sóc bà A2.

Tại Biên bản xác minh ngày 23/7/2021 và tại phiên tòa ông Z3 trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Q1và bà Q2 chia cho ông A3 có vợ là bà A2. Ông A3, bà A2 không có con chung, nhận bà G là con nuôi từ nhỏ. Sau khi ông A3 chết, bà G là người chăm sóc bà A2, lo tất cả các việc gia đình của bà A2, khoảng năm 1997 bà G xây dựng lại nhà cho bà A2 ở, khi bà A2 chết bà G lo đám tang, thờ cúng, hương khói bà A2, ông A3 và tổ tiên họ Đàm đến bây giờ. Khi bà A2 còn sống có nguyện vọng để lại toàn bộ đất đai nhà cửa cho bà G thừa kế. Do đây là đất của họ Đàm, bà Lý A là cháu ngoại không có quyền được hưởng, bà G là con nuôi của bà A2 nên bà G là người được hưởng toàn bộ tài sản của bà A2 theo đúng ý nguyện của bà A2.

Tại Biên bản xác minh ngày 20/8/2021 bà Nông Thị Thoa – công chức địa chính xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng cho biết: Về nguồn gốc các thửa đất 128, 309, 230, 255, 256 tờ bản đồ 06, địa chỉ: Xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng đang có tranh chấp giữa bà Lý A và bà G:

- Thửa đất 255, tờ bản đồ số 06, diện tích 616m^2; mục đích sử dụng là đất trồng lúa (bản đồ địa chính năm 1995) nay là thửa đất số 204, tờ bản đồ số 10, diện tích 627,3m^2 (theo bản đồ địa chính năm 2015).

- Thửa đất 256, tờ bản đồ số 06, diện tích 616m^2; mục đích sử dụng là đất trồng lúa (bản đồ địa chính năm 1995) nay là thửa đất 20, tờ bản đồ 09, diện tích 650,2m^2 (theo bản đồ địa chính năm 2015).

- Thửa đất 309, tờ bản đồ số 06, diện tích 294m^2; mục đích sử dụng là đất trồng lúa (bản đồ địa chính năm 1995) nay là thửa đất 247, tờ bản đồ 10, diện tích 267m^2 (bản đồ địa chính năm 2015).

- Thửa đất 230, tờ bản đồ số 06, diện tích 960m^2; mục đích sử dụng là đất trồng lúa (theo bản đồ địa chính năm 1995) nay là thửa đất 167, tờ bản đồ số 10, diện tích 994,7m^2 (theo bản đồ địa chính năm 2015).

- Thửa đất 128, tờ bản đồ 06, diện tích 540m^2; mục đích sử dụng đất ở nông thôn 400m^2, đất bằng trồng cây hàng năm khác 140m^2 (theo bản đồ địa chính năm 1995) nay là thửa đất 23, tờ bản đồ 74, diện tích 446,4m^2 (theo bản đồ địa chính năm 2015).

Các thửa đất trên có nguồn gốc của họ Đàm chia cho vợ chồng bà A2, sau đó bà A2 để lại cho bà G quản lý, sử dụng do bà G là người chăm sóc, trông nom bà A2 cho đến khi bà A2 chết. Bà G đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất này vào ngày 04/6/2010.

Đến 28/9/2016 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tuyên di chúc của bà A2 lập ngày 03/5/2009 là không hợp pháp. Ngày 19/4/2019 Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng ra Quyết định số 1299 ngày 19/4/2019 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà G. Hiện nay thửa đất 256 có lúa mới cấy do bà Mcanh tác trồng lúa. Thửa đất 255, 230, 306 do bà N và bà G canh tác trồng lúa. Thửa đất 128 do bà G quản lý, sử dụng.

Ngày 07/9/2021 Tòa án đã nhận được Đơn đề nghị của ông Đàm E đề nghị Tòa án đưa ông P, ông Q, ông R, bà M, bà S, ông T, bà U, bà V, bà X, bà Y tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

Theo Giấy xác nhận ngày 29/8/2021 ông P trình bày: Tôi sinh ra và lớn lên tại đây cùng tham gia sinh hoạt xóm và hội hiếu với hộ ông A3, vợ là bà A2. Ông A3, bà A2 không có con chung, nhận A4 làm con nuôi. Ông A3 chết năm 1979, anh A5 chết năm 1986, bà A2 sống độc thân, lúc còn khỏe tự làm tự ăn, khi sức khỏe giảm sút thì thuê họ làm việc đồng áng. Năm 2009 bà A2 đột quỵ tôi thấy gia đình Học, Huyên cùng chăm sóc và cùng lo hậu sự cho bà A2.

Theo Giấy xác nhận ngày 31/8/2021, bản tự khai ngày 13/9/2021 và tại phiên tòa ông Q trình bày: Tôi là con chú, còn anh A3 là con bác trong dòng họ. Về nguồn gốc đất là của ông A3, bà A2. Ông A3, bà A2 không có con chung, nhận anh A5 làm con nuôi từ nhỏ, nay anh A5 đã chết. Sau khi ông A3, anh A5 chết bà A2 sống một mình tự lo liệu cuộc sống. Khi ốm đau bà A2 được E, M (con anh G9), N, G (con anh G8) thay nhau chăm sóc và cùng nhau lo hậu sự khi bà A2 chết.

Theo Bản xác nhận ngày 30/8/2021 ông R trình bày: Tôi sinh ra và lớn lên tại C6, xã C1. Tôi có cô là G7 là em dâu của bà A2, họ hàng làng xóm cùng gia đình ông A3 và bà A2. Ông A3, bà A2 không có con, nhận A4 là con nuôi. Anh A5 mất năm 1986, không có vợ con. Tôi hay đi lại thăm nom họ hàng, nhiều lần và được nhờ làm giúp việc xây dựng nhà cửa. Tôi thấy bà ở một mình, không có ai ở cùng từ ngày anh A5 mất.

Theo Giấy xác nhận ngày 28/8/2021, bản tự khai ngày 13/9/2021 bà V trình bày: Bà từ nơi xa về làm dâu từ năm 1984, là hàng xóm gần nhà bà A2. Từ lúc về bà thấy bà A2 sống một mình, bà G làm việc ở thành phố thỉnh thoảng thứ 7, chủ nhật mới ghé qua thăm bố mẹ và bà A2. Có bà Lý A giúp bà làm việc nhà. Khi bà A2 ốm có ông Học, bà G thay nhau chăm sóc cho đến khi bà A2 qua đời.

Theo Giấy xác nhận ngày 28/8/2021, bản tự khai ngày 13/9/2021 bà X trình bày: Bà làm dâu gần nhà bà A2 từ năm 1987. Bà thấy bà A2 sống một mình, mặc dù ở gần các con của em chú nhưng các cháu ai cũng chỉ lo việc nhà đấy. Bà G làm việc ở thành phố tỉnh thoảng thứ 7, chủ nhật mới ghé qua thăm bố mẹ và bà A2. Có bà G7 (mẹ đẻ bà A1) giúp bà A2 việc nhà. Khi bà A2 ốm liệt giường ông Học, bà G thay phiên nhau trông nom bà. Khi bà A2 chết, các anh em cùng nhau lo đám cho bà. Ngôi nhà là do bà A2 tự bỏ tiền xây dựng và sử dụng vật liệu của ngôi nhà cũ.

Theo Giấy xác nhận ngày 28/8/2021, bản tự khai ngày 13/9/2021 bà S, ông T, bà U, bà Y (anh chị em ruột của ông Đàm E) trình bày: Ông bà là cháu nội ông A3, là con ông G6 và bà G5, ở gần nhà bà A2. Khi còn sống, ông A3, bà A2 không có con, nhận ông A4 là con nuôi. Ông A3 chết năm 1979, ông A5 chết năm 1986. Bà A2 sống côi cút một mình tự làm ăn sinh sống. Bà G làm ở thành phố thỉnh thoảng thứ 7, chủ nhật mới về thăm bố mẹ và bà A2. Khi bà A2 liệt giường bà thấy ông T, bà M, bà G thay phiên nhau trông nom. Ngôi nhà là do bà A2 tự làm lại, bà G chỉ tìm thợ về xây, vật liệu dùng lại cây và gạch của nhà cũ. Khi bà A2 chết các anh em trong gia đình cùng nhau bàn bạc lo hậu sự cho bà. Bà G không phải con nuôi ông A3, bà A2.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đàm E đề nghị thay đổi quan hệ pháp luật tranh chấp, từ "Tranh chấp quyền sử dụng đất" sang "Chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất". Yêu cầu bà G trả lại các thửa đất 128, 309, 230, 255, 256, đều thuộc tờ bản đồ số 06, địa chỉ: xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng cho bà Lý A và những người cùng hàng thừa kế thứ ba của bà A2.

Về tài sản trên đất: nguyên đơn chỉ nhất trí bồi thường tiền xây hàng rào và sân láng vữa xi măng cho vợ chồng ông L7 bà N, không nhất trí bồi thường chuồng trại và nhà vệ sinh, bà N và ông L7 phải tự tháo dỡ vì không có giấy tờ bà A2 cho phép xây dựng. Đối với ngôi nhà hiện nay đang thờ bà A2 được xây dựng bằng tiền của bà A2 nên là di sản do bà A2 để lại, không nhất trí bồi thường cho bà G.

Bị đơn bà G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N và ông O không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà G từ khi sinh ra đã ở cùng nhà với bà A2, là con nuôi của bà A2 và có công chăm sóc bà A2 nên năm 2006 bà A2 mới đưa cho bà G Giấy giao nhà cửa, đất đai cây cối lập ngày 02/01/1990 với nội dung giao lại toàn bộ tài sản của vợ chồng bà A2 cho bà G quản lý, sử dụng và có trách nhiệm thờ cúng, trông nom phần mộ sau này. Ngoài ra, bà A2 còn có di chúc năm 2009 để lại toàn bộ tài sản cho bà G.

Trường hợp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, yêu cầu nguyên đơn bồi thường cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan toàn bộ giá trị tài sản trên đất theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản. Trường hợp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận, toàn bộ tài sản vợ chồng ông L7 xây dựng trên thửa đất 128 sẽ do bà G và vợ chồng ông L7 tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L, bà H, ông Kvà ông I vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin giải quyết vắng mặt tại Tòa án.

Bà M, bà N cho biết đã gặt lúa xong và sẽ trả lại đất cho người được Tòa án tuyên có quyền sử dụng đất.

Luật sư F trình bày luận cứ:

Bà A2 chết năm 2009 không có di chúc hợp pháp, các anh em ruột của bà A2 đều đã chết, bà A2 là người chết sau cùng. Do vậy các con của ông Lý Văn Nhì là bà Lý A, bà H, ông I, ông Lvà ông K thuộc diện hàng thừa kế thứ 3, được hưởng quyền tài sản là nhà và đất của bà A2 để lại sau khi chết.

Đối với Giấy giao nhà cửa, cây cối do bà A2 lập ngày 02/01/1990 không có giá trị pháp lý vì không phù hợp với Thông tư số 81/TANDTC ngày 24/7/1981 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết về tranh chấp thừa kế. Bản di chúc lập ngày 03/5/2009 có nội dung bà A2 cho bà G toàn bộ đất đai nhưng năm 2016 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã tuyên là di chúc không hợp pháp, việc chuyển quyền sử dụng đất từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà A2 sang tên bà G là không hợp pháp và đã bị UBND thành phố Cao Bằng có quyết định thu hồi năm 2019.

Bà G cung cấp tài liệu có nhiều nhân chứng xác nhận là con nuôi, được ông A3 bà A2 nhận từ năm 1975 là không có căn cứ vì cả hai Giấy liên quan đến di chúc trong đó Giấy giao tài sản lập ngày 02/01/1990 và Giấy di chúc ngày 03/5/2009 đều viết là cháu gái. Nhiều nhân chứng xác nhận bà G được bà A2 nhận làm con nuôi đó chỉ có thể hiểu là con nuôi ở góc độ tình cảm, không phải con nuôi được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C1 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do vậy không phát sinh quan hệ thừa kế. Theo các tài liệu do bà G cung cấp thì bà A2 sống độc thân, có sổ hộ khẩu thường trú chủ hộ là bà A2, trong sổ hộ khẩu không thể hiện mối quan hệ mẹ con với bà G.

Đối với diện tích đất ở là 387,8m2 trên đất ở có 02 nhà cấp 4: Nhà cũ bà A2 ông A3 xây dựng trước năm 1970 có diện tích 38,3m2; nhà xây năm 1997 có diện tích 39m2 bà G cho rằng bà là người xây nhà này cho bà A2 là không có căn cứ. Nếu thực sự bà xây nhà cho bà A2 thì đó cũng là nhà của bà A2. Phần diện tích sân láng vữa xi măng 32,9m2 và tường rào do bà N, ông L7 xây dựng cần để lại, người được sử dụng phải thanh toán tiền nhưng số tiền thanh toán phải hợp lý, Hội đồng định giá không trừ khấu hao để xác định giá trị tài sản là không đúng quy định. Còn phần nhà vệ sinh, chuồng lợn đã cũ, không còn sử dụng được thì bà N và ông L7 phải tự tháo dỡ vì không có giấy tờ bà A2 cho phép xây dựng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 649, 650, điểm c khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự công nhận quyền thừa kế tài sản của bà A1 và các anh chị em bà A1.

Tại bản án sơ thẩm số 81/2021/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 465, 467, 470 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý A. Bà G được quản lý, sử dụng các thửa đất sau:

+ Thửa đất số 218, tờ bản đồ số 06, diện tích thực tế sử dụng là 387,8m^2.

+ Thửa đất số 309, tờ bản đồ số 06, diện tích thực tế sử dụng là 267,0m^2.

+ Thửa đất số 230, tờ bản đồ số 06, diện tích thực tế sử dụng là 976,7m^2.

+ Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 06, diện tích thực tế sử dụng là 631,3m^2.

+ Thửa đất số 256, tờ bản đồ số 06, diện tích thực tế sử dụng là 650,2m^2.

Các thửa đất này đều có địa chỉ tại xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Bà G được quyền sở hữu tài sản trên thửa đất số 128, tờ bản đồ số 6, địa chỉ xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng gồm: Nhà số 01 do bà G xây dựng có diện tích là 39m^2; Nhà số 02 do bà A2 xây dựng có diện tích là 38,3m^2.

(Có sơ đồ kèm theo).

Bà G có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản theo quy định.

Bà M có nghĩa vụ trả lại cho bà G thửa đất số 256, diện tích thực tế sử dụng là 650,2m^2, tờ bản đồ số 06, địa chỉ tại xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; bà N có nghĩa vụ trả lại cho bà G thửa đất số 309, diện tích thực tế sử dụng là 267,0m^2; thửa đất số 230, diện tích thực tế sử dụng là 976,7m^2; thửa đất số 255, diện tích thực tế sử dụng là 631,3m^2, đều thuộc tờ bản đồ số 06, địa chỉ tại xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng do bà M và bà N đã thu hoạch lúa xong.

Đối với tài sản bà Nông O xây dựng trên thửa đất 128, tờ bản đồ số 6 gồm: chuồng trại số 01, chuồng trại số 02, nhà vệ sinh, tường rào, sân láng vữa xi măng, bà G và bà N, ông O có ý kiến tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 12 năm 2021 bà Lý A có đơn kháng cáo không nhất trí và kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số 81/2021/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lý A và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đàm E giữ nguyên yêu cầu và nội dung kháng cáo theo đơn kháng cáo đề ngày 08 tháng 12 năm 2021, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm, chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn để giải quyết yêu cầu khởi kiện đã thay đổi của nguyên đơn là "*Tranh chấp việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất"*.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư F trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía nguyên đơn như quan điểm ở cấp sơ thẩm và chỉ ra những điểm thiếu sót về thủ tục tố tụng của HĐXX cấp sơ thẩm như đã trình bày trong đơn kháng cáo của bà Lý A. Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lý A.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà G không nhất trí với kháng cáo của bà A1. Bà G đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều giữ nguyên ý kiến trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng. Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS đề nghị HĐXX xem xét để ban hành một bản án cho chính xác, khách quan và đúng quy định pháp luật

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Diện tích đất có tranh chấp thuộc xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a

khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn Lý A, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án với quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Tuy nhiên, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cho thấy trên thửa đất 128 có tài sản trên đất, đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, ngoài yêu cầu đòi lại đất, nguyên đơn còn yêu cầu trả lại tài sản trên đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về yêu cầu kháng cáo của bà Lý A như sau: Bà Lý A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án với lý do quá trình xét xử và giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm không được vô tư, khách quan, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và vi phạm nghiêm trọng nội dung giải quyết vụ án.

Thứ nhất, nguyên đơn Lý A cho rằng tại phiên tòa xét xử lần đầu ngày 30/9/2021, việc hội đồng xét xử nhận đơn của bà G trong thời gian đang nghị án và ra quyết định tạm ngừng phiên tòa là không đúng quy định, HĐXX xét thấy: Tại biên bản phiên tòa ngày 30/9/2021 sau khi nghị án kéo dài, ngày 07/10/2021 HĐXX quyết định quay lại phần xét hỏi và ra quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2021/QĐST-DS ngày 07/10/2021 với lý do: Cần phải xác minh thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ mà nếu không thực hiện thì không thể giải quyết được vụ án và không thể thực hiện ngay tại phiên tòa. Như vậy, tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 265 Bộ luật tố tụng dân sự: *"Qua nghị án, nếu xét thấy có tình tiết của vụ án chưa được xem xét, việc hỏi chưa đầy đủ hoặc cần xem xét thêm chứng cứ thì HĐXX quyết định trở lại việc hỏi và tranh luận".* Sau khi trở lại phần hỏi xét thấy cần xác minh thu thập chứng cứ HĐXX sơ thẩm quyết định tạm ngừng phiên tòa theo quy định tại Điều 259 Bộ luật TTDS là đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, nguyên đơn Lý A cho rằng biên bản hội ý về việc tạm ngừng phiên tòa ngày 07/10/2021 có sự thay đổi hội thẩm nhân dân, vị hội thẩm này không tham gia trong quá trình xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2021 nhưng lại tham gia hội đồng công bố tạm ngừng phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa không giải thích lý do của sự thay đổi này và cũng không hỏi ý kiến của những người tham gia tố tụng có đồng ý sự thay đổi hội thẩm hay không. Sự vắng mặt của hội thẩm Trịnh

Văn Phương là hội thẩm đã tham gia xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2021 vì lý do gì cũng không được công khai tại phiên tòa. HĐXX xét thấy: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2021/QĐXXST-DS ngày 10/9/2021 có ghi hội thẩm nhân dân là bà Nông Thị G, ông Trịnh Văn Phương; Hội thẩm nhân dân dự khuyết là ông Nguyễn Hữu Hoan, ông Long Văn Thanh. Tại trang 24 biên bản phiên tòa ngày 30/9/2021 có ghi rõ: "*14 giờ ngày 07/10/2021 phiên tòa tiếp tục, HĐXX vào phòng xử án. (Hội thẩm nhân dân dự khuyết Nguyễn Hữu Hoan tham gia phiên tòa thay thế hội thẩm nhân dân Trịnh Văn Phương…..) HĐXX quay trở lại phần xét hỏi"* như vậy hội thẩm nhân dân Nguyễn Hữu Hoan có mặt tại phiên tòa ngày 07/10/2021 và có mặt khi HĐXX quay lại phần xét hỏi, chủ tọa phiên tòa không hỏi ý kiến của những người tham gia tố tụng là thiếu sót tuy nhiên thiếu sót không nghiêm trọng, không làm ảnh hưởng đến đường lối giải quyết vụ án, thực tế sau phiên tòa này vụ án được tạm đình chỉ đợi kết quả thu thập tài liệu chứng cứ, sau đó cấp sơ thẩm ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2021/QĐXXST–DS ngày 10/11/2021 với thành phần hội đồng xét xử khác, hội đồng xét xử này xét xử đảm bảo đúng thủ tục luật định.

Thứ ba, nguyên đơn Lý A cho rằng việc đưa bà Zvà Z4 vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người làm chứng để xem xét lại tính hợp pháp của bản di chúc ngày 03/5/2009 của bà A2 là vi phạm quy định tố tụng. HĐXX xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm xét thấy cần đưa người làm chứng vào tham gia tố tụng để đảm bảo giải quyết vụ án được khách quan làm rõ các tình tiết sự kiện có trong hồ sơ vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Thứ tư, nguyên đơn Lý A cho rằng cấp sơ thẩm xác định sai về quan hệ tranh chấp. HĐXX xét thấy: cấp sơ thẩm nhận định "*Đối với yêu cầu thay đổi quan hệ pháp luật tranh chấp: Do nguyên đơn đưa ra yêu cầu thay đổi quan hệ pháp luật tranh chấp, từ "Tranh chấp quyền sử dụng đất" sang "Chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu vì giải quyết chia di sản thừa kế phải xem xét đến hàng thừa kế, diện thừa kế, nguyện vọng và giá trị kỷ phần mỗi người được hưởng*", theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, phạm vi giải quyết vụ án của Tòa án căn cứ trên quyền định đoạt của đương sự, mặt khác luật quy định về thay đổi yêu cầu, phản tố... phải thực hiện trước khi tòa án tiến hành công bố tài liệu chứng cứ và hòa giải. Do đó thay đổi của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm không được HĐXX cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

Thứ năm, về nội dung giải quyết vụ án, HĐXX xét thấy: Về nguồn gốc các thửa đất tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án,

lời khai của các đương sự và những người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều xác định nguồn gốc đất là của ông Q1và bà Q2 chia cho con trai là ông A3 và vợ là A2. Ông A3 và bà A2 không có con chung, nhận anh A4 làm con nuôi từ bé. Ông A3 chết năm 1979, anh A5 chết năm 1987. Sau khi ông A3, anh A5 chết bà A2 là người trực tiếp quản lý, sử dụng các thửa đất của tổ tiên để lại cho vợ chồng bà. Đến ngày 16/10/2000 bà A2 được Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Cao Bằng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 128, 309, 230, 255, 256 tờ bản đồ 06, địa chỉ: Xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng. Đến năm 2009 bà A2 chết, bà G là người trực tiếp quản lý sử dụng tài sản do bà A2 để lại, gồm: các thửa đất 128, 309, 230, 255, 256, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng.

Nay bà Lý A yêu cầu bị đơn bà G trả lại toàn bộ các thửa đất nói trên cho bà A1 và những người cùng hàng thừa kế đối với tài sản của bà A2, bà G không nhất trí vì ngày 02/01/1990 bà A2 đã lập Giấy Giấy giao nhà cửa, đất đai, cây cối với nội dung " *....Khi còn sống 2 vợ chồng tôi không có con cái thì cháu G thường ngày vẫn sang giúp đỡ và đi lại trong những lúc khó khăn, động viên vợ chồng tôi. Trước khi mất chồng tôi có nói lại là sau này chỉ trông cậy vào con G. Nay tôi tuổi đã cao, sức đã yếu làm theo lời của người chồng đã khuất để lại. Vậy tôi làm giấy này để giao lại 2 gian nhà nhỏ giếng nước và toàn bộ đất đai cây cối , vườn tược từ giếng nước – nhà nhỏ trở ra tới giáp đường cho cháu G. Cháu G có quyền quản lý và xây dựng trong phạm vi đó khi đã được giao vợ chồng cháu G phải có trách nhiệm như con trong nhà là trông nom tôi lúc tuổi già sức yếu thờ cúng và trông nom phần mộ sau này. Giấy này cũng thay lời di chúc sau này nếu tôi mất đi và cháu G phải thực hiện".*

Mặc dù Giấy giao nhà cửa, đất đai, cây cối của bà A2 lập ngày 02/01/1990, đến năm 2000 toàn bộ các thửa đất trên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà A2, nhưng quá trình sinh sống bà G là người gần gũi quan tâm, chăm sóc, phụng dưỡng vợ chồng bà nên đến năm 2006 do tin tưởng, bà A2 đã đưa Giấy giao nhà cửa, đất đai, cây cối cho bà G, khi đưa Giấy đã có đầy đủ chữ ký của bà A2 và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã C1, huyện D, tỉnh Cao Bằng (nay là thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) ngày 08/01/1990.

Tại biên bản xác minh ngày 30/9/2021, ông Lô Ích Vinh - nguyên Chủ tịch UBND xã C1, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng cho biết: Trước khi xác nhận nội dung trong Giấy giao nhà cửa, đất đai, cây cối ngày 02/01/1990, ông đã kiểm tra nội dung của giấy và thấy đúng, phù hợp với nguyện vọng của bà A2 nên ông đã xác nhận vào ngày 08/01/1990.

Giấy giao nhà cửa, đất đai, cây cối bà A2 lập ngày 02/01/1990 nhưng đến năm 2006 mới phát sinh quan hệ tặng cho tài sản, thể hiện bằng việc bà A2

quyết định đưa Giấy giao nhà cửa, đất đai, cây cối cho bà G và bà G đồng ý nhận. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Bộ luật dân sự năm 2005 để đánh giá hiệu lực của hợp đồng tặng cho tài sản. Bà G đã thực hiện xong thủ tục đăng ký tài sản và đã thực hiện đúng điều kiện bà A2 đưa ra là chăm sóc bà A2 lúc tuổi già và thờ cúng, trông nom phần mộ của bà A2, ông A3 và tổ tiên họ Đàm. Do đó, hợp đồng này là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 465, 467, 470 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Ngoài ra, ý chí nguyện vọng của bà A2 còn được thể hiện tại Giấy lập di chúc thừa kế tài sản do bà A2 lập ngày 03/5/2009, khi đó bà A2 còn khỏe mạnh, minh mẫn; việc để lại tài sản cho bà G là tự nguyện và công khai, có hai người làm chứng và được Ủy ban nhân dân xã C1 xác nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/9/2021, người làm chứng Z (người làm chứng trong di chúc ngày 03/5/2009) cho biết mặc dù không được chứng kiến bà A2 viết di chúc và điểm chỉ nhưng bà A2 là người nhờ bà Ân ký làm chứng để làm thủ tục đất đai cho bà G, bà Z khẳng định khi ký bản di chúc bà biết ý chí của bà A2 là để lại tài sản cho bà G.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt tại Tòa án ngày 14/11/2021, người làm chứng Z4 (người làm chứng trong di chúc ngày 03/5/2009) cho biết vì lý do sức khỏe bà không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được. Mặc dù không được chứng kiến bà A2 viết di chúc và điểm chỉ nhưng bà khẳng định bà A2 đã nhờ bà làm chứng việc bà A2 giao lại toàn bộ tài sản cho bà G quản lý, sử dụng sau khi bà A2 chết. Thời điểm bà A2 làm di chúc giao lại toàn bộ tài sản của bà A2 cho bà G, bà A2 hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn.

Những người trong dòng họ Đàm (bên chồng bà A2) và người sinh sống lâu năm và có uy tín ở xóm (như tổ trưởng, công chức địa chính, ông Lê Hùng…) đều khẳng định bà G là người chăm sóc bà A2 khi còn sống, khi bà A2 chết bà G là người đứng ra lo tang lễ, hiện nay bà G vẫn là người thờ cúng, trông nom phần mộ của bà A2, ông A3 và tổ tiên họ Đàm.

Sau khi bà A2 chết, bà G đã kê khai và được cấp hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 05 thửa đất đang tranh chấp. Tuy nhiên, "Giấy lập di chúc thừa kế tài sản" của bà A2 lập ngày 03/5/2009 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tuyên không hợp pháp theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 17/2016/QĐST-DSST ngày 28/9/2016. Bà G đã bị thu hồi hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Quyết định giải quyết việc dân sự số 17/2016/QĐST-DSST ngày 28/9/2016 chỉ nêu lý do di chúc không hợp pháp là vi phạm về hình thức, còn

nội dung của di chúc chưa được xem xét, giải quyết. Căn cứ lời khai của hai người làm chứng trong bản di chúc năm 2009, kết quả xác minh của Tòa án thấy rằng nội dung của di chúc hoàn toàn phù hợp với ý chí, nguyện vọng của bà A2 và phù hợp với nội dung Giấy giao nhà cửa, đất đai, cây cối bà A2 lập ngày 02/01/1990.

Căn cứ nội dung "Giấy giao nhà cửa, đất đai, cây cối" bà A2 lập ngày 02/01/1990, "Giấy lập di chúc thừa kế tài sản" bà A2 lập ngày 03/5/2009 và thực tế quản lý, sử dụng đất cũng như công sức chăm sóc, phụng dưỡng bà A2 và thờ cúng, trông nom phần mộ của bà A2, ông A3 và tổ tiên họ Đàm của bà G, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà G là người có quyền sử dụng các thửa đất đang có tranh chấp gồm thửa đất 128, 309, 230, 255, 256, đều thuộc tờ bản đồ 06, có địa chỉ tại xóm B1, xã C1, thành phố Cao Bằng và tài sản trên thửa đất 128 gồm 02 ngôi nhà do bà A2 và bà G xây dựng là có căn cứ.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên có đủ căn cứ để không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lý A, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 81/2021/DS-ST ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư F không có căn cứ để chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án nên bà Lý A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên bà A1 là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lý A. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 81/2021/DS-ST ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí: Bà Lý A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh CB;
- Chi cục THADS TPCB;
- TAND TPCB;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Hà Nam